



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

- Kiểm toán
- Tư vấn Tài chính và Thuế
- Audit
- Finance & Tax Advisory

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 – 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Đào Minh Tùng	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Bách	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dũng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Chiến	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Số: 102 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016, được lập ngày 05 tháng 10 năm 2016 từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính")

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
Tp. HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Mạnh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1826-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		668.287.912.476	214.522.580.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	664.454.847.656	47.472.617.018
1. Tiền	111		1.524.847.656	352.617.018
2. Các khoản tương đương tiền	112		662.930.000.000	47.120.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	-	162.970.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	162.970.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.445.365.261	3.294.721.592
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	-	82.416.600
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.445.365.261	3.212.304.992
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	8	387.699.559	785.241.731
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		354.872.100	752.414.272
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		32.827.459	32.827.459
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		228.711.107.551	225.504.721.490
I. Tài sản cố định	220		290.923.343	551.455.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	290.923.343	551.455.779
- Nguyên giá	222		9.597.363.687	9.562.000.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.306.440.344)	(9.010.544.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	228.420.184.208	224.953.265.711
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		228.420.184.208	224.953.265.711
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		896.999.020.027	440.027.301.831

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

A-ĐK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.033.924.867	20.875.610.712
I. Nợ ngắn hạn	310		18.033.924.867	20.875.610.712
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	89.021.105	89.021.105
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	86.719.744	87.341.369
3. Phải trả người lao động	314		704.678.076	2.654.449.952
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	14.723.317.544	15.594.609.888
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.430.188.398	2.450.188.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		878.965.095.160	419.151.691.119
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	878.965.095.160	419.151.691.119
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	440.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	440.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.644.654.711	7.644.654.711
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.749.489.185)	(30.562.893.226)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.562.893.226)	(18.843.289.761)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(186.595.959)	(11.719.603.465)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		896.999.020.027	440.027.301.831

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Đức Nhơn

Kế toán trưởng

Đào Minh Tùng

Giám đốc



Trần Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,

Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**MẪU SỐ B 02-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	281.735.739	2.198.517.648
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		281.735.739	2.198.517.648
4. Giá vốn hàng bán	11	18	258.647.500	2.077.964.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.088.239	120.553.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	13.559.906.447	8.867.966.615
7. Chi phí bán hàng	25	20	600.000	97.208.987
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	13.786.479.638	13.796.755.868
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(204.084.952)	(4.905.444.902)
10. Thu nhập khác	31		33.916.435	44.005.309
11. Chi phí khác	32		16.427.442	44.005.309
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.488.993	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(186.595.959)	(4.905.444.902)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(186.595.959)	(4.905.444.902)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71		(4)	(94)

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Đức Nhơn

Kế toán trưởng

Đào Minh Tùng

Giám đốc



Trần Ngọc Dũng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

MẪU SỐ B 03 -DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(186.595.959)	(4.905.444.902)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	295.896.072	641.698.424
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.559.906.447)	(8.867.966.615)
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(13.450.606.334)	(13.131.713.093)
- Giảm các khoản phải thu	09	246.898.503	(1.713.170.457)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.821.685.845)	(2.599.614.385)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.000.000)	(2.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(16.045.393.676)	(17.446.997.935)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(3.502.282.133)	(8.195.680.637)
2. Tiền thu hồi cho vay	24	162.970.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.541.151.982)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.559.906.447	8.867.966.615
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	173.027.624.314	(5.868.866.004)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	460.000.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	460.000.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	616.982.230.638	(23.315.863.939)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47.472.617.018	74.841.283.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	664.454.847.656	51.525.419.202

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Đức Nhơn

Kế toán trưởng

Đào Minh Tùng

Giám đốc



Trần Ngọc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 05 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 4 số 3601010336 ngày 01 tháng 08 năm 2016) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 08 năm 2016 vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 VNĐ, tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng. Vốn thực tế góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	46.000.000	460.000.000.000	51,11%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	35.000.000	350.000.000.000	38,89%
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi)	7.500.000	75.000.000.000	8,33%
Các cổ đông khác	1.500.000	15.000.000.000	1,67%
Cộng	90.000.000	900.000.000.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2016 là 73 người (tại ngày 01/01/2016 là 76 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, khai thác cảng biển và các dịch vụ hậu cần cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Khai thác Cảng và khu hậu cần.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đầu tư xây dựng phát triển Cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Đại lý tàu biển; Cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải đường ống
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa trang thiết bị cho công trình dầu khí.
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện thủy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Cổ đông
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

F. DL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Handwritten signature or mark

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	13.033.806	31.859.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.511.813.850	320.757.674
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	662.930.000.000	47.120.000.000
	<u>664.454.847.656</u>	<u>47.472.617.018</u>

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Hải Việt	-	82.416.600
	<u>-</u>	<u>82.416.600</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/09/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	136.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	1.860.650	-	9.142.500	-
Lãi dự thu	3.302.504.611	-	3.198.162.492	-
	<u>3.445.365.261</u>	<u>-</u>	<u>3.212.304.992</u>	<u>-</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/09/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	VND		VND	
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		354.872.100		752.414.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		32.827.459		32.827.459
		<u>387.699.559</u>		<u>785.241.731</u>
b) Phải nộp				
	<u>30/09/2016</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số thực nộp</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	86.719.744	142.754.494	(143.376.119)	87.341.369
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>86.719.744</u>	<u>145.754.494</u>	<u>(146.376.119)</u>	<u>87.341.369</u>

A du

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANTòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	9.269.649.688	292.350.363	9.562.000.051
- Mua trong kì	-	35.363.636	35.363.636
Tại ngày 30/09/2016	<u>9.269.649.688</u>	<u>327.713.999</u>	<u>9.597.363.687</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	8.737.638.357	272.905.915	9.010.544.272
- Khấu hao trong kì	279.287.487	16.608.585	295.896.072
Tại ngày 30/09/2016	<u>9.016.925.844</u>	<u>289.514.500</u>	<u>9.306.440.344</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>532.011.331</u>	<u>19.444.448</u>	<u>551.455.779</u>
Tại ngày 30/09/2016	<u>252.723.844</u>	<u>38.199.499</u>	<u>290.923.343</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2016 là 7.968.579.142 VND (tại ngày 31/12/2015 là 7.292.700.142 VND)

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá 41.733.000 VND, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	143.519.015.297	143.519.015.297	140.052.596.800	140.052.596.800
Lập dự án đầu tư	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545
Chi phí triển khai dự án	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.165.143.740	16.165.143.740	16.165.143.740	16.165.143.740
Chi phí khác	7.817.344.392	7.817.344.392	7.816.844.392	7.816.844.392
	<u>228.420.184.208</u>	<u>228.420.184.208</u>	<u>224.953.265.711</u>	<u>224.953.265.711</u>

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An, tuyến đường kết nối vào Cảng và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.



T. Q. B. N.
 M. S. C. N. 0102
 Bộ Tài Chính

Handwritten signature or initials in blue ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tin Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,

Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Chợ Lớn (i)	-	-	-	162.970.000.000	162.970.000.000	-
	-	-	-	162.970.000.000	162.970.000.000	-

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng tại ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – CN Chợ Lớn với lãi suất là 5,39%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao (i)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)
	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)

(i) Số vốn góp vào Công ty cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Tại ngày 30/09/2016, Công ty cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao đã có số lỗ lũy kế vượt quá số Vốn chủ sở hữu, do đó, công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 100% đối với Công ty cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANTòa nhà Tin Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro	89.021.105	89.021.105
	<u>89.021.105</u>	<u>89.021.105</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	2.121.850.227
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	-	126.875.661
	<u>14.723.317.544</u>	<u>15.594.609.888</u>

(i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự An Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp. Số tiền này tương đương với tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích đất 196.507,5 m² theo phê duyệt của UBND huyện Nhơn Trạch cho các hộ dân bị thu hồi ủy quyền cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương nhận.

(ii) Đây là khoản tiền bồi thường và tiền lãi không kỳ hạn phát sinh tương ứng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền tại ngày 30 tháng 09 năm 2016.

A BK

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANTòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2015	440.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(18.843.289.761)	430.871.294.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(11.719.603.465)	(11.719.603.465)
Số dư tại 31/12/2015	440.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(30.562.893.226)	419.151.691.119
Tăng vốn (i)	460.000.000.000	-	-	-	460.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(186.595.959)	(186.595.959)
Số dư tại 30/09/2016	900.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(30.749.489.185)	878.965.095.160

- (i) Khoản tăng vốn của Công ty trong kỳ theo công văn số 4718/UBCK-QLCB ngày 19 tháng 07 năm 2016 về việc chấp thuận Báo cáo Kết quả chào bán Cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Hoành Sơn, tương đương 46.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng. Công ty TNHH MTV Hoành Sơn đã hoàn tất việc thanh toán góp vốn thông qua chuyển khoản.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 VNĐ, tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Tại ngày 30/09/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Vốn góp VND	Tỉ lệ %	Vốn góp VND	Tỉ lệ %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	460.000.000.000	51,11%	-	0,00%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	350.000.000.000	38,89%	350.000.000.000	79,55%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	75.000.000.000	8,33%	75.000.000.000	17,05%
Các cổ đông khác	15.000.000.000	1,67%	15.000.000.000	3,40%
	900.000.000.000	100,00%	440.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ USD	1.824,82	1.834,72

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu cung ứng hàng hóa	281.735.739	2.198.517.648
	<u>281.735.739</u>	<u>2.198.517.648</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	258.647.500	2.077.964.310
	<u>258.647.500</u>	<u>2.077.964.310</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.559.906.447	8.867.966.615
	<u>13.559.906.447</u>	<u>8.867.966.615</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.000	97.208.987
	<u>600.000</u>	<u>97.208.987</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	8.151.504.611	8.928.774.474
Chi phí vật liệu quản lý	1.538.626.526	1.284.942.086
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.690.909	113.172.728
Chi phí khấu hao TSCĐ	295.896.072	641.698.424
Thuế, phí và lệ phí	17.871.896	17.834.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.724.889.624	2.810.334.122
	<u>13.786.479.638</u>	<u>13.796.755.868</u>

F ad

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/09/2015</u>
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(186.595.959)	(4.905.444.902)
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	24.000.000	18.000.000
Cộng: chi phí không được trừ (i)	24.000.000	18.000.000
Thu nhập chịu thuế	(162.595.959)	(4.887.444.902)
Thu nhập khác	-	-
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất phổ thông	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

- (i) Chi phí không được trừ loại trừ khi tính thuế TNDN gồm phần thù lao của ban kiểm soát không chuyên trách, không tham gia điều hành là 24.000.000 VND

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.454.847.656	47.472.617.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.307.504.611	3.203.162.492
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	162.970.000.000
	<u>667.762.352.267</u>	<u>213.645.779.510</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.723.317.544	15.594.609.888
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>14.723.317.544</u>	<u>15.594.609.888</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/09/2016	01/01/2016	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.824,82	1.834,72	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/ giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	36,50	36,69

A *[Handwritten signature]*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Tại 30/09/2016		
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.454.847.656	664.454.847.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.307.504.611	3.307.504.611
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
	<u>667.762.352.267</u>	<u>667.762.352.267</u>
Tại 30/09/2016		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.723.317.544	14.723.317.544
	<u>14.723.317.544</u>	<u>14.723.317.544</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>653.039.034.723</u>	<u>653.039.034.723</u>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Tại 01/01/2016		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.472.617.018	47.472.617.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.203.162.492	3.203.162.492
Đầu tư tài chính ngắn hạn	162.970.000.000	162.970.000.000
	<u>213.645.779.510</u>	<u>213.645.779.510</u>
Tại 01/01/2016		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.594.609.888	15.594.609.888
	<u>15.594.609.888</u>	<u>15.594.609.888</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>198.051.169.622</u>	<u>198.051.169.622</u>

Handwritten signature/initials

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANTòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Cổ đông
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Số dư với các bên liên quan:

Ngoài các số dư đã trình bày tại các thuyết minh số 6, số 12 và số 15, công ty không có các số dư chủ yếu với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro		
Bán hàng cho Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	1.675.946.742

Lương của Ban điều hành trong kỳ được hưởng như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lương	1.165.655.920	1.169.232.991

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 chưa được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Trần Ngọc Dũng